

Số: 1584 /QĐ-UBND

Cà Mau, ngày 17 tháng 9 năm 2018

## QUYẾT ĐỊNH

**Công bố chuẩn hóa Danh mục thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận, trả kết quả giải quyết qua dịch vụ bưu chính công ích và thủ tục hành chính tiếp nhận, giải quyết, trả kết quả tại Bộ phận Một cửa các cấp thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Tư pháp tỉnh Cà Mau**

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 63/TTr-STP ngày 21/9/2018,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 148 trong tổng số 151 thủ tục hành chính thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Tư pháp được tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả tại Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Cà Mau. Trong đó, có tổng số 147 thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích trên địa bàn tỉnh (kèm theo danh mục).

**Điều 2.** Phê duyệt, chuẩn hóa Danh mục 42 thủ tục hành chính cấp huyện, 48 thủ tục hành chính cấp xã trong lĩnh vực Tư pháp và 04 thủ tục hành chính thực hiện tại các tổ chức hành nghề công chứng (kèm theo danh mục).

Theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tình hình thực tế của từng địa phương giao Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Cà Mau; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn ban hành quyết định công bố, công khai danh mục thủ tục hành chính (đã được phê duyệt, chuẩn hóa tại Điều 2 Quyết định này) (i) thực hiện tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả và (ii) thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định. Thời gian hoàn thành trong tháng 9 năm 2018.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tư pháp; Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông; Giám đốc Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh; các doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích quy định tại khoản 2, Điều 32 Luật Bưu chính ngày 17/6/2010; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Cà Mau; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1480/QĐ-UBND ngày 29/8/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Công bố Danh mục thủ tục hành chính Ngành Tư pháp có thực hiện và không thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết qua dịch vụ bưu chính công ích trên địa bàn tỉnh Cà Mau./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Cục KSTTHC, VPCP;
- TT.TU, TT.HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các PVP UBND tỉnh (Trung, Hiền) (VIC);
- Công TTĐT tỉnh (VIC);
- KGVX, CCHC (Đ140, VIC);
- Lưu: VT, M.A154/9.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Trần Hồng Quân**

**DANH MỤC CÁC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI,  
CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ TƯ PHÁP CÓ THỰC HIỆN VÀ KHÔNG  
THỰC HIỆN TIẾP NHẬN HỒ SƠ, TRẢ KẾT QUẢ QUA DỊCH VỤ BƯU  
CHÍNH CÔNG ÍCH VÀ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH CÓ TIẾP  
NHẬN VÀ KHÔNG TIẾP NHẬN TẠI TRUNG TÂM GIẢI QUYẾT  
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TỈNH**



(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1584/QĐ-UBND ngày 27 tháng 9 năm 2018  
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau)

Số TT	Tên thủ tục hành chính	Thủ tục hành chính			
		Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích		Tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả tại Trung tâm Giải quyết TTHC tỉnh	
		Có	Không	Có	Không
<b>I</b>	<b>CẤP TỈNH</b>	<b>147</b>	<b>04</b>	<b>148</b>	<b>03</b>
<i>I.1</i>	<b>Quyết định số 463/QĐ-UBND ngày 13/03/2017</b>				
1.	Chấm dứt hành nghề quản lý, thanh lý tài sản với tư cách cá nhân		X	X	
2.	Thông báo việc thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản	X		X	
3.	Thay đổi thành viên hợp danh của công ty hợp danh quản lý, thanh lý tài sản	X		X	
4.	Thay đổi thông tin đăng ký hành nghề của Quản tài viên	X		X	
5.	Thay đổi thông tin đăng ký hành nghề của doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản	X		X	
<i>I.2</i>	<b>Quyết định số 1339/QĐ-UBND ngày 31/7/2017</b>				
6.	Đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản với tư cách cá nhân	X		X	
7.	Đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản đối với doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản	X		X	
<i>I.3</i>	<b>Quyết định số 873/QĐ-UBND ngày 16/5/2017</b>				
8.	Đăng ký tập sự hành nghề công chứng	X		X	

9.	Thay đổi nơi tập sự hành nghề công chứng từ tổ chức hành nghề công chứng này sang tổ chức hành nghề công chứng khác trong cùng một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	X		X	
10.	Thay đổi nơi tập sự từ tổ chức hành nghề công chứng tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương này sang tổ chức hành nghề công chứng tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác	X		X	
11.	Đăng ký tập sự hành nghề công chứng trường hợp người tập sự thay đổi nơi tập sự sang tổ chức hành nghề công chứng tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác	X		X	
12.	Chấm dứt tập sự hành nghề công chứng	X		X	
13.	Đăng ký tập sự lại hành nghề công chứng sau khi chấm dứt tập sự hành nghề công chứng	X		X	
14.	Từ chối hướng dẫn tập sự (trường hợp tổ chức hành nghề công chứng không có công chứng viên khác đủ điều kiện hướng dẫn tập sự)	X		X	
15.	Thay đổi công chứng viên hướng dẫn tập sự trong trường hợp người tập sự đề nghị thay đổi	X		X	
16.	Thay đổi công chứng viên hướng dẫn tập sự trong trường hợp tổ chức hành nghề công chứng nhận tập sự tạm ngừng hoạt động, chấm dứt hoạt động hoặc bị chuyển đổi, giải thể	X		X	
17.	Xóa đăng ký hành nghề của công chứng viên	X		X	
18.	Thành lập Văn phòng công chứng	X		X	
19.	Chấm dứt hoạt động Văn phòng công chứng (trường hợp tự chấm dứt)	X		X	
20.	Hợp nhất Văn phòng công chứng	X		X	
21.	Sáp nhập Văn phòng công chứng	X		X	
22.	Chuyển nhượng Văn phòng công chứng	X		X	
23.	Chuyển đổi Văn phòng công chứng do một công chứng viên thành lập	X		X	
24.	Thành lập Hội công chứng viên	X		X	
<b>1.4</b>	<b>Quyết định số 1340/QĐ-UBND ngày 31/7/2017</b>				
25.	Đăng ký tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng	X		X	
26.	Đăng ký hành nghề và cấp Thẻ công chứng viên	X		X	
27.	Cấp lại Thẻ công chứng viên	X		X	

28.	Đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng	X		X	
29.	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng	X		X	
30.	Đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng hợp nhất	X		X	
31.	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng nhận sáp nhập	X		X	
32.	Đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng được chuyển đổi từ Văn phòng công chứng do một công chứng viên thành lập	X		X	
33.	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng được chuyển nhượng	X		X	
<b>1.5</b>	<b>Quyết định số 1121/QĐ-UBND ngày 28/6/2017</b>				
34.	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài		X	X	
35.	Giải quyết việc người nước ngoài thường trú ở Việt Nam nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi		X	X	
<b>1.6</b>	<b>Quyết định số 1159/QĐ-UBND ngày 25/7/2018</b>				
36.	Phục hồi danh dự cấp tỉnh	X		X	
37.	Xác định cơ quan giải quyết bồi thường cấp tỉnh	X		X	
38.	Giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại cấp tỉnh	X		X	
<b>1.7</b>	<b>Quyết định số 940/QĐ-UBND ngày 08/6/2018</b>				
39.	Thủ tục cấp bản sao từ sổ gốc	X		X	
<b>1.8</b>	<b>Quyết định số 1027/QĐ-UBND ngày 13/6/2017</b>				
40.	Cấp bản sao Trích lục hộ tịch	X		X	
<b>1.9</b>	<b>Quyết định số 1375/QĐ-UBND ngày 30/8/2018</b>				
41.	Thủ tục giải quyết khiếu nại về trợ giúp pháp lý	X			X
42.	Thủ tục thay đổi nội dung Giấy đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý	X		X	
43.	Thủ tục đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý	X		X	
44.	Thủ tục cấp lại thẻ cộng tác viên trợ giúp pháp lý	X		X	
45.	Thủ tục cấp thẻ cộng tác viên trợ giúp pháp lý	X		X	
46.	Thủ tục yêu cầu trợ giúp pháp lý	x			x
47.	Thủ tục chấm dứt tham gia trợ giúp pháp lý	X		X	
48.	Thủ tục cấp lại Giấy đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý	X		X	

49.	Thủ tục lựa chọn, ký hợp đồng với tổ chức hành nghề luật sư, tổ chức tư vấn pháp luật	X		X	
50.	Thủ tục lựa chọn, ký hợp đồng với Luật sư	X			X
<i>1.10</i>	<b>Quyết định số 1506/QĐ-UBND ngày 18/9/2018</b>				
51.	Thủ tục cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam	X		X	
52.	Thủ tục cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội (đối tượng là công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú ở Việt Nam)	X		X	
53.	Thủ tục cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho cơ quan tiến hành tố tụng (đối tượng là công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam)	X		X	
<i>1.11</i>	<b>Quyết định số 1011/QĐ-UBND ngày 12/6/2017</b>				
54.	Thủ tục thông báo có quốc tịch nước ngoài	X		X	
55.	Thủ tục thôi quốc tịch Việt Nam ở trong nước		x	x	
<i>1.12</i>	<b>Quyết định số 939/QĐ-UBND ngày 08/6/2018</b>				
56.	Thủ tục cấp Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam	X		X	
57.	Thủ tục nhập quốc tịch Việt Nam	X		X	
58.	Thủ tục trở lại quốc tịch Việt Nam ở trong nước	X		X	
59.	Thủ tục cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam ở trong nước	X		X	
<i>1.13</i>	<b>Quyết định số 342/QĐ-UBND ngày 07/3/2018</b>				
60.	Đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất (gồm trường hợp đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất hoặc đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất đồng thời với tài sản gắn liền với đất hoặc đăng ký thế chấp tài sản gắn liền với đất)	X		X	
61.	Đăng ký thế chấp dự án đầu tư xây dựng nhà ở, nhà ở hình thành trong tương lai	X		X	
62.	Đăng ký thế chấp tài sản gắn liền với đất không phải là nhà ở mà tài sản đó đã hình thành nhưng chưa được chứng nhận quyền sở hữu trên Giấy chứng nhận	X		X	
63.	Đăng ký bảo lưu quyền sở hữu trong trường hợp mua bán tài sản gắn liền với đất có bảo lưu quyền sở hữu	X		X	

64.	Đăng ký thay đổi nội dung biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đã đăng ký	X		X	
65.	Sửa chữa sai sót nội dung biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đã đăng ký do lỗi của cơ quan đăng ký	X		X	
66.	Đăng ký văn bản thông báo về việc xử lý tài sản thế chấp bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	X		X	
67.	Chuyển tiếp đăng ký thế chấp quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng mua bán nhà ở	X		X	
68.	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	X		X	
<b>I.14</b>	<b>Quyết định số 116/QĐ-UBND ngày 22/01/2018</b>				
69.	Cấp Thẻ đấu giá viên	X		X	
70.	Cấp lại Thẻ đấu giá viên	X		X	
71.	Đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản	X		X	
72.	Đăng ký hoạt động đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản thành lập trước ngày Luật Đấu giá tài sản có hiệu lực thi hành tiếp tục hoạt động đấu giá tài sản và kinh doanh các ngành nghề khác	X		X	
73.	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản	X		X	
74.	Đăng ký hoạt động của Chi nhánh doanh nghiệp đấu giá tài sản	X		X	
75.	Phê duyệt đủ điều kiện thực hiện hình thức đấu giá trực tuyến	X		X	
76.	Đăng ký tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề đấu giá tài sản	X		X	
<b>I.15</b>	<b>Quyết định số 664/QĐ-UBND ngày 20/4/2018</b>				
77.	Đăng ký hoạt động đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản thành lập trước ngày Luật Đấu giá tài sản có hiệu lực thi hành chuyển đổi toàn bộ hoạt động của doanh nghiệp	X		X	
78.	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản	X		X	
<b>I.16</b>	<b>Quyết định số 455/QĐ-UBND ngày 13/3/2017</b>				
79.	Đăng ký hoạt động của Trung tâm Trọng tài	X		X	

80.	Đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm Trọng tài	X		X	
81.	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài	X		X	
82.	Thu hồi giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài, Giấy đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài	X		X	
83.	Chấm dứt hoạt động của Chi nhánh/Văn phòng đại diện Trung tâm trọng tài	X		X	
84.	Đăng ký hoạt động Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam	X		X	
85.	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam	X		X	
86.	Thu hồi Giấy đăng ký hoạt động Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam	X		X	
87.	Thông báo về việc thành lập Văn phòng đại diện của Tổ chức Trọng tài nước ngoài tại Việt Nam	X		X	
88.	Thông báo thay đổi Trường Văn phòng đại diện, địa điểm đặt trụ sở của Văn phòng đại diện của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam trong phạm vi tỉnh	X		X	
89.	Thông báo thay đổi địa điểm đặt trụ sở của Văn phòng đại diện của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam sang tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác	X		X	
90.	Thông báo thay đổi địa điểm đặt trụ sở của Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam sang tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác	X		X	
91.	Thông báo thay đổi địa điểm đặt trụ sở của Trung tâm trọng tài, Chi nhánh trung tâm trọng tài sang tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác	X		X	
92.	Thông báo về việc thành lập Chi nhánh/Văn phòng đại diện của Trung tâm trọng tài tại nước ngoài	X		X	
93.	Thông báo về việc thành lập Văn phòng đại diện của Trung tâm trọng tài	X		X	
94.	Thông báo về việc thay đổi địa điểm đặt trụ sở, Trường Văn phòng đại diện của Trung tâm trọng tài	X		X	
95.	Thông báo thay đổi danh sách trọng tài viên	X		X	
I.17	<b>Quyết định số 1338/QĐ-UBND ngày 31/7/2017</b>				
96.	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm Trọng tài	X		X	



97.	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài, Chi nhánh Trung tâm trọng tài, Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam	X		X	
<i>I.18</i>	<b>Quyết định số 465/QĐ-UBND ngày 13/3/2017</b>				
98.	Đăng ký hoạt động của Trung tâm tư vấn pháp luật	X		X	
99.	Đăng ký hoạt động cho chi nhánh của Trung tâm tư vấn pháp luật	X		X	
100.	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Trung tâm tư vấn pháp luật, chi nhánh	X		X	
101.	Chấm dứt hoạt động của Trung tâm tư vấn pháp luật trong trường hợp theo quyết định của tổ chức chủ quản	X		X	
102.	Chấm dứt hoạt động Trung tâm tư vấn pháp luật trong trường hợp bị thu hồi giấy đăng ký hoạt động	X		X	
103.	Chấm dứt hoạt động của chi nhánh Trung tâm tư vấn pháp luật	X		X	
104.	Thủ tục thu hồi Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm tư vấn pháp luật, chi nhánh trong trường hợp Trung tâm tư vấn pháp luật, Chi nhánh không đủ số lượng luật sư, tư vấn viên pháp luật theo quy định của Nghị định số 77/2008/NĐ-CP	X		X	
105.	Thủ tục thu hồi Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm tư vấn pháp luật, chi nhánh trong trường hợp Trung tâm tư vấn pháp luật, Chi nhánh bị xử phạt vi phạm hành chính với hình thức xử phạt bổ sung là tước quyền sử dụng Giấy đăng ký hoạt động không thời hạn	X		X	
106.	Cấp thẻ tư vấn viên pháp luật	X		X	
107.	Thu hồi thẻ tư vấn viên pháp luật	X		X	
108.	Cấp lại thẻ tư vấn viên pháp luật	X		X	
<i>I.19</i>	<b>Quyết định số 874/QĐ-UBND ngày 16/5/2017</b>				
109.	Cấp phép thành lập văn phòng giám định tư pháp	X		X	
110.	Đăng ký hoạt động văn phòng giám định tư pháp	X		X	
111.	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động, cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng giám định tư pháp	X		X	
112.	Thay đổi, bổ sung lĩnh vực giám định của Văn phòng giám định tư pháp	X		X	
113.	Chuyển đổi loại hình Văn phòng giám định tư pháp	X		X	
114.	Chấm dứt hoạt động Văn phòng giám định tư pháp	X		X	

115.	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng giám định tư pháp trong trường hợp thay đổi tên gọi, địa chỉ trụ sở, người đại diện theo pháp luật của Văn phòng	X		X	
116.	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng giám định tư pháp trong trường hợp Giấy đăng ký hoạt động bị hư hỏng hoặc bị mất	X		X	
<i>1.20</i>	<b>Quyết định số 872/QĐ-UBND ngày 16/5/2017</b>				
117.	Đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư	X		X	
118.	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư	X		X	
119.	Thay đổi người đại diện theo pháp luật của Văn phòng luật sư, công ty luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên	X		X	
120.	Thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty luật trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty luật hợp danh	X		X	
121.	Đăng ký hoạt động của chi nhánh của tổ chức hành nghề luật sư	X		X	
122.	Chấm dứt hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư (Trong trường hợp tổ chức hành nghề luật sư tự chấm dứt hoạt động hoặc công ty luật bị hợp nhất, sáp nhập)	X		X	
123.	Chấm dứt hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư (Trong trường hợp tổ chức hành nghề luật sư bị thu hồi Giấy đăng ký hoạt động hoặc Trưởng văn phòng luật sư, Giám đốc công ty luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên hoặc tất cả các thành viên của công ty luật hợp danh, thành viên của công ty luật trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên bị thu hồi Chứng chỉ hành nghề luật sư)	X		X	
124.	Đăng ký hành nghề luật sư với tư cách cá nhân	X		X	
125.	Đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài	X		X	
126.	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài	X		X	
127.	Hợp nhất công ty luật	X		X	
128.	Sáp nhập công ty luật	X		X	
129.	Chuyển đổi công ty luật trách nhiệm hữu hạn và công ty luật hợp danh	X		X	

130.	Chuyển đổi văn phòng luật sư thành công ty luật	X		X	
131.	Phê duyệt Đề án tổ chức Đại hội nhiệm kỳ, phương án xây dựng Ban chủ nhiệm, Hội đồng khen thưởng, kỷ luật nhiệm kỳ mới của Đoàn Luật sư	X		X	
132.	Phê chuẩn kết quả Đại hội luật sư	X		X	
133.	Giải thể Đoàn Luật sư	X		X	
134.	Đăng ký hoạt động của công ty luật Việt Nam chuyển đổi từ công ty luật nước ngoài	X		X	
135.	Đăng ký hoạt động của chi nhánh của công ty luật nước ngoài tại Việt Nam	X		X	
<i>I.21</i>	<b>Quyết định số 1337/QĐ-UBND ngày 31/7/2017</b>				
136.	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài	X		X	
<i>I.22</i>	<b>Quyết định số 195/QĐ-UBND ngày 06/02/2018</b>				
137.	Công nhận báo cáo viên pháp luật tỉnh	X		X	
138.	Miễn nhiệm báo cáo viên pháp luật tỉnh	X		X	
<i>I.23</i>	<b>Quyết định số 705/QĐ-UBND ngày 02/5/2018</b>				
139.	Đăng ký làm hòa giải viên thương mại vụ việc	X		X	
140.	Thôi làm hòa giải viên thương mại vụ việc khỏi danh sách hòa giải viên thương mại vụ việc của Sở Tư pháp	X		X	
141.	Đăng ký hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại	X		X	
142.	Thay đổi tên gọi trong Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm hòa giải thương mại	X		X	
143.	Thay đổi địa chỉ trụ sở của Trung tâm hòa giải thương mại từ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương này sang tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác	X		X	
144.	Đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm hòa giải thương mại	X		X	
145.	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động Trung tâm hoà giải thương mại/chi nhánh Trung tâm hòa giải thương mại	X		X	
146.	Tự chấm dứt hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại	X		X	
147.	Đăng ký hoạt động của chi nhánh tổ chức hoà giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam	X		X	
148.	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh tổ chức hoà giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam	X		X	

149.	Thay đổi tên gọi, Trưởng chi nhánh trong Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam	X		X	
150.	Thay đổi địa chỉ trụ sở của chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam từ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương này sang tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác	X		X	
151.	Chấm dứt hoạt động của chi nhánh của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam	X		X	

**Tổng cộng có 151 thủ tục hành chính cấp tỉnh./.**

**PHÊ DUYỆT, CHUẨN HÓA DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI, CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ TƯ PHÁP ĐANG CÒN HIỆU LỰC ĐÃ ĐƯỢC CÔNG BỐ, CÔNG KHAI ÁP DỤNG CHUNG TẠI ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH CÀ MAU**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1584/QĐ-UBND ngày 27 tháng 9 năm 2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau)*



Số TT	Tên thủ tục hành chính
<b>I.</b>	<b>CẤP HUYỆN</b>
I.1	<b>Quyết định số 1160/QĐ-UBND ngày 25/7/2018</b>
1.	Phục hồi danh dự cấp huyện
2.	Giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại cấp huyện
I.2	<b>Quyết định số 940/QĐ-UBND ngày 08/6/2018</b>
3.	Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch là cộng tác viên dịch thuật của Phòng Tư pháp
4.	Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch không phải là cộng tác viên dịch thuật của Phòng Tư pháp
5.	Chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản
6.	Chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản
7.	Chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản
8.	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận
9.	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận
10.	Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không ký, không điểm chỉ được)
11.	Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch
12.	Sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch
13.	Cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực
14.	Cấp bản sao từ sổ gốc

<b>1.3</b>	<b>Quyết định số 1027/QĐ-UBND ngày 13/6/2017</b>
15.	Cấp bản sao Trích lục hộ tịch
<b>1.4</b>	<b>Quyết định số 1028/QĐ-UBND ngày 13/6/2017</b>
16.	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài
17.	Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài
18.	Đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài
19.	Đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài
20.	Đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài
21.	Đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài
22.	Đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài
23.	Thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch, xác định lại dân tộc
24.	Ghi vào sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài
25.	Ghi vào sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài
26.	Ghi vào sổ hộ tịch việc hộ tịch khác của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (khai sinh; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; khai tử; thay đổi hộ tịch)
27.	Đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài
28.	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân
29.	Đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài
30.	Đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài
<b>1.5</b>	<b>Quyết định số 196/QĐ-UBND ngày 06/02/2018</b>
31.	Công nhận báo cáo viên pháp luật huyện
32.	Miễn nhiệm báo cáo viên pháp luật huyện
<b>1.6</b>	<b>Quyết định số 342/QĐ-UBND ngày 07/3/2018</b>
33.	Đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất (gồm trường hợp đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất hoặc đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất đồng thời với tài sản gắn liền với đất hoặc đăng ký thế chấp tài sản gắn liền với đất)
34.	Đăng ký thế chấp dự án đầu tư xây dựng nhà ở, nhà ở hình thành trong tương lai
35.	Đăng ký thế chấp tài sản gắn liền với đất không phải là nhà ở mà tài sản đó đã hình thành nhưng chưa được chứng nhận quyền sở hữu trên Giấy chứng nhận
36.	Đăng ký bảo lưu quyền sở hữu trong trường hợp mua bán tài sản gắn liền với đất có bảo lưu quyền sở hữu

37.	Đăng ký thay đổi nội dung biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đã đăng ký
38.	Sửa chữa sai sót nội dung biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đã đăng ký do lỗi của cơ quan đăng ký
39.	Đăng ký văn bản thông báo về việc xử lý tài sản thế chấp bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
40.	Chuyển tiếp đăng ký thế chấp quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng mua bán nhà ở
41.	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
<b>1.7</b>	<b>Quyết định số 1548/QĐ-UBND ngày 21/9/2018</b>
42.	Thực hiện hỗ trợ khi hòa giải viên gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng trong khi thực hiện hoạt động hòa giải

**Tổng cộng có 42 thủ tục hành chính cấp huyện./.**

**PHÊ DUYỆT, CHUẨN HÓA DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI, CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ TƯ PHÁP ĐANG CÒN HIỆU LỰC ĐÃ ĐƯỢC CÔNG BỐ, CÔNG KHAI ÁP DỤNG CHUNG TẠI ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH CÀ MAU**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1584/QĐ-UBND ngày 27 tháng 9 năm 2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau)*



Số TT	Tên thủ tục hành chính
<b>I.</b>	<b>CẤP XÃ</b>
I.1	<b>Quyết định số 1161/QĐ-UBND ngày 25/7/2018</b>
1.	Giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại cấp xã
I.2	<b>Quyết định số 940/QĐ-UBND ngày 08/6/2018</b>
2.	Chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở
3.	Chứng thực di chúc
4.	Chứng thực văn bản từ chối nhận di sản
5.	Chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở
6.	Chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở
7.	Cấp bản sao từ sổ gốc
8.	Thủ tục chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận
9.	Thủ tục chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch
10.	Thủ tục sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch
11.	Thủ tục cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực
12.	Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)
I.3	<b>Quyết định số 1029/QĐ-UBND ngày 13/6/2017</b>
13.	Đăng ký khai sinh
14.	Đăng ký kết hôn



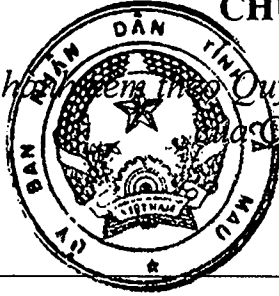
15.	Đăng ký nhận cha, mẹ, con
16.	Đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con
17.	Đăng ký khai tử
18.	Đăng ký khai sinh lưu động
19.	Đăng ký kết hôn lưu động
20.	Đăng ký khai tử lưu động
21.	Đăng ký giám hộ
22.	Đăng ký chấm dứt giám hộ
23.	Thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch
24.	Cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân
25.	Đăng ký lại khai sinh
26.	Đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân
27.	Đăng ký lại kết hôn
28.	Đăng ký lại khai tử
<b>I.4</b>	<b>Quyết định số 1122/QĐ-UBND ngày 28/6/2017</b>
29.	Đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước
30.	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước
<b>I.5</b>	<b>Quyết định số 1374/QĐ-UBND ngày 30/8/2018</b>
31.	Liên thông các thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi
32.	Liên thông các thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, cấp Thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi
<b>I.6</b>	<b>Quyết định số 1027/QĐ-UBND ngày 13/6/2017</b>
33.	Cấp bản sao Trích lục hộ tịch
<b>I.7</b>	<b>Quyết định số 197/QĐ-UBND ngày 06/02/2018</b>
34.	Công nhận tuyên truyền viên pháp luật
35.	Cho thôi làm tuyên truyền viên pháp luật
<b>I.8</b>	<b>Quyết định số 342/QĐ-UBND ngày 07/3/2018</b>
36.	Đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất (gồm trường hợp đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất hoặc đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất đồng thời với tài sản gắn liền với đất hoặc đăng ký thế chấp tài sản gắn liền với đất)
37.	Đăng ký thế chấp dự án đầu tư xây dựng nhà ở, nhà ở hình thành trong tương lai
38.	Đăng ký thế chấp tài sản gắn liền với đất không phải là nhà ở mà tài sản đó đã hình thành nhưng chưa được chứng nhận quyền sở hữu trên Giấy chứng nhận

39.	Đăng ký bảo lưu quyền sở hữu trong trường hợp mua bán tài sản gắn liền với đất có bảo lưu quyền sở hữu
40.	Đăng ký thay đổi nội dung biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đã đăng ký
41.	Sửa chữa sai sót nội dung biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đã đăng ký do lỗi của cơ quan đăng ký
42.	Đăng ký văn bản thông báo về việc xử lý tài sản thế chấp bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
43.	Chuyển tiếp đăng ký thế chấp quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng mua bán nhà ở
44.	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
<b>1.9</b>	<b>Quyết định số 1547/QĐ-UBND ngày 21/9/2018</b>
45.	Công nhận hòa giải viên
46.	Công nhận tổ trưởng tổ hòa giải
47.	Thôi làm hòa giải viên
48.	Thanh toán thù lao cho hòa giải viên

**Tổng cộng có 48 thủ tục hành chính cấp xã./.**

**PHÊ DUYỆT, CHUẨN HÓA DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI, CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ TƯ PHÁP ĐANG CÒN HIỆU LỰC ĐÃ ĐƯỢC CÔNG BỐ, CÔNG KHAI ÁP DỤNG CÁC TỔ CHỨC HÀNH NGHỀ CÔNG CHỨNG**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1584 /QĐ-UBND ngày 27 tháng 9 năm 2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau)



Số TT	Tên thủ tục hành chính
I.	CẤP KHÁC
I.1	Quyết định số 940/QĐ-UBND ngày 08/6/2018
1.	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận
2.	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận
3.	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận
4.	Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)

**Tổng cộng có 04 TTHC thực hiện tại các tổ chức hành nghề công chứng./.**